

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất núi An Hội, thôn Minh Tân Bắc, xã Đức Minh (phần diện tích mở rộng), huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Mỏ Cày, tỉnh Quảng Ngãi)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026; Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 84/GP-UBND ngày 06/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất núi An Hội, thôn Minh Tân Bắc, xã Đức Minh (phần diện tích mở rộng), huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Mỏ Cày, tỉnh Quảng Ngãi) của Công ty Cổ phần

Khoáng sản Thành Hưng tại Công văn số 50/CV-TH ngày 17/7/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 704/TTr-SNNMT ngày 24/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất núi An Hội, thôn Minh Tân Bắc, xã Đức Minh (phần diện tích mở rộng), huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi (*nay là xã Mỏ Cày, tỉnh Quảng Ngãi*) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Khoáng sản Thành Hưng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Mỏ Cày, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án chịu trách nhiệm:

- Thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

- Nghiêm túc chấp hành các quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các quy định của pháp luật khác có liên quan về tải trọng xe, tốc độ và thời gian vận chuyển,...; tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo Quyết định này để giảm thiểu tác động đến môi trường và đời sống người dân địa phương trong suốt quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện các cam kết về duy tu, bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển và đảm bảo vệ sinh môi trường. Tạm dừng khai thác nếu xảy ra sự cố môi trường, đồng thời báo với chính quyền địa phương để kịp thời phối hợp xử lý, khắc phục hậu quả. Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung trình; đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; tính trung thực, đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

3. UBND xã Mỏ Cày theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, theo dõi, giám sát công tác bảo vệ môi trường và hoạt động khai thác, vận chuyển của Dự án; trường hợp phát hiện vi phạm thì xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp thẩm quyền xử lý theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND xã Mô Cày; Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Thành Hưng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP Tạ Văn Lực, TTHC;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.LTHH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Tâm Hiền

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất núi An Hội, thôn
Minh Tân Bắc, xã Đức Minh (phần diện tích mở rộng), huyện Mộ Đức,
tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Mỏ Cày, tỉnh Quảng Ngãi)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất núi An Hội, thôn Minh Tân Bắc, xã Đức Minh (phần diện tích mở rộng), huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Mỏ Cày, tỉnh Quảng Ngãi).

- Địa điểm thực hiện: Xã Mỏ Cày, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Khoáng sản Thành Hưng (Địa chỉ: 101 Nguyễn Công Phương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi).

1.2. Quy mô, công suất

+ Tổng diện tích khu vực khai thác là 9,4 ha.

+ Tổng trữ lượng toàn mỏ là 1.321.221 m³. Kể từ thời điểm cấp phép khai thác đến nay, dự án đã tiến hành khai thác với khối lượng 295.719,14 m³. Trữ lượng còn lại đưa vào thiết kế khai thác của dự án là 1.025.501,86 m³.

+ Công suất khai thác: 820.000 m³/năm

+ Mức sâu khai thác thấp nhất khối trữ lượng: Cos +8,0 m.

+ Thời hạn khai thác: 1,3 (một phẩy ba) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (điều chỉnh).

1.3. Công nghệ sản xuất

Mỏ áp dụng phương pháp khai thác lộ thiên bằng phương pháp đào xúc, tạo moong, vận chuyển với đầy đủ các khâu công nghệ: Làm đường, mở vỉa → Tạo moong, tầng khai thác → Đào xúc đất bằng máy đào → Vận chuyển đất (ô tô) đến công trình.

1.4. Phạm vi

* Các hạng mục công trình của dự án đầu tư:

STT	Hạng mục công trình	Quy mô		Ghi chú
		Theo Quyết định 1193/QĐ-UBND	Theo phương án nâng công suất	
I	Các hạng mục công trình chính			
1	Khai trường	Diện tích 9,4 ha	Diện tích 9,4 ha	Đã khai thác khoảng 4,0

STT	Hạng mục công trình	Quy mô		Ghi chú
		Theo Quyết định 1193/QĐ-UBND	Theo phương án nâng công suất	
	khai thác			ha
		Cao trình kết thúc khai thác: +8,0 m	Cao trình kết thúc khai thác: +8,0 m	
		Công suất khai thác: 240.000 m ³ đất nguyên khối/năm	Công suất khai thác: 820.000 m ³ đất nguyên khối/năm	
		Số máy móc phục vụ dự án: 02 máy đào xúc, gầu 1,2 m ³ ; 07 xe vận chuyển	Số máy móc phục vụ dự án: 11 máy đào xúc, gầu 1,6 m ³ ; 72 xe vận chuyển	
II	<i>Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án</i>			
1	Khu văn phòng	01 nhà văn phòng làm việc	01 nhà văn phòng làm việc	Đã xây dựng
2	Đường ngoại mỏ	Dài 716 m, rộng 8,5 m nằm phía Đông mỏ	Dài 716 m, rộng 8,5 m nằm phía Đông mỏ	Đã xây dựng
3	Trạm cân và camera giám sát	01 trạm cân và camera giám sát hoạt động khai thác mỏ	01 trạm cân và camera giám sát hoạt động khai thác mỏ	Đã xây dựng
III	<i>Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường</i>			
1	Điểm rửa xe	01 điểm rửa xe (ở đường ngoại mỏ)	01 điểm rửa xe (ở đường ngoại mỏ)	Đã xây dựng
2	Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt	01 nhà vệ sinh di động gần khu vực nhà văn phòng	01 nhà vệ sinh di động gần khu vực nhà văn phòng	Đã lắp đặt
3	Thu gom và xử lý nước rửa xe	01 bể xử lý nước rửa xe (nằm trên tuyến đường ngoại mỏ)	01 bể xử lý nước rửa xe (nằm trên tuyến đường ngoại mỏ)	Đã xây dựng
4	Thu gom và xử lý	Rãnh thoát nước mưa kích thước (0,5x1)m dài khoảng 350m, 01 hố lắng	Rãnh thoát nước mưa kích thước (0,5x1)m dài khoảng 350m, 01	

STT	Hạng mục công trình	Quy mô		Ghi chú
		Theo Quyết định 1193/QĐ-UBND	Theo phương án nâng công suất	
	nước mưa chảy tràn	dung tích 3.000 m ³ . Từ năm khai thác thứ 4, bố trí nước mưa sau khi qua hố lắng sẽ theo đường ống Ø315mm dài khoảng 75m đầu nối vào mương thoát nước hiện hữu phía Đông mỏ	hố lắng dung tích 3.000 m ³ , mương đất kích thước (0,5x0,5)m, dài khoảng 75 m đầu nối vào mương thoát nước hiện hữu phía Đông mỏ	
5	Thu gom CTRSH	02 thùng rác loại 240L đặt tại văn phòng mỏ	02 thùng rác loại 240L đặt tại văn phòng mỏ	Đã lắp đặt
6	Thu gom chất thải nguy hại	02 thùng rác 120L đặt tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại	02 thùng rác 120L đặt tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại	Đã lắp đặt

* Các hoạt động của dự án: Tạo moong khai thác, xúc bốc, vận chuyển đất; hoạt động của các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác; hoạt động sinh hoạt của công nhân.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường*) và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ*).

1.6. Dự án thuộc danh mục phân loại xanh

Dự án không thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn vận hành: Các hoạt động bóc đất tầng đất phủ; hoạt động khai thác (xúc bốc, vận chuyển đất) làm phát sinh bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung; nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác; sinh hoạt của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn từ thu dọn sinh khối, đất bóc tầng phủ; chất thải nguy hại; hoạt động khai

thác vận chuyển tiềm ẩn nguy cơ tai nạn giao thông, tai nạn lao động, sự cố sạt lở,...

- Trong giai đoạn kết thúc khai thác, phục hồi môi trường: Các hoạt động vận chuyển, san gạt hoàn thổ, trồng cây, tháo dỡ các công trình phụ trợ để hoàn thổ trồng cây làm phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung; sinh hoạt của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn vận hành

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân với lưu lượng khoảng 1,2 m³/ngày. Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và tổng Coliform.

+ Nước mưa chảy tràn với lưu lượng phát sinh khoảng 1.567,9 m³/h. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là ô nhiễm cơ học (đất, rác) và dầu mỡ.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh phương tiện vận chuyển với lưu lượng phát sinh khoảng 3 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là ô nhiễm cơ học (đất, rác).

- Khí thải: Bụi phát sinh do hoạt động khai thác (bóc đất tầng phủ, xúc bóc và vận chuyển đất); khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác, phương tiện vận chuyển. Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, SO₂, NO₂.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân. Thành phần: Chủ yếu là bao bì các loại, vỏ chai, thức ăn, rau quả thừa,...

- Chất thải rắn thông thường: Đất bóc tầng phủ trong toàn bộ thời gian khai thác và sinh khối còn sót lại. Thành phần: Đất bóc tầng phủ, rễ, cây cối.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc, thiết bị khai thác, vận chuyển với khối lượng khoảng 792 lít/năm đối với dầu nhớt thải, khoảng 44 kg/năm đối với giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang. Thành phần: Dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu,...

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động máy móc, phương tiện trong quá trình khai thác và vận chuyển đất.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến hệ sinh thái và cảnh quan khu vực dự án.
- Tác động đến kinh tế - xã hội.
- Tác động qua lại với các công trình lân cận.
- Tác động do sự cố: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố sạt lở trong quá trình khai thác.

3.2. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải
 - + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân. Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD_5 , COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và tổng Coliform.

+ Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng khu vực dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là ô nhiễm cơ học (đất, rác) và dầu mỡ.

- Khí thải phát sinh từ quá trình san gạt khu vực khai thác, mương dẫn và bề lảng nước mưa, gia cố bờ moong, tháo dỡ văn phòng mỏ, nhà vệ sinh, trạm cân, máy móc, phương tiện vận chuyển. Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, SO_2 , NO_2 .

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân. Thành phần: Chủ yếu là bao bì các loại, vỏ chai, thức ăn, rau quả thừa,...
- Chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn phát sinh trong quá trình tháo dỡ. Thành phần: Sắt, thép, tôn, bê tông, bao bì,...
- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc, thiết bị. Thành phần: Dầu nhớt thải, giẻ lau nhiễm dầu,...

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, phương tiện vận chuyển, san gạt, duy tu, tháo dỡ, gia cố bờ moong.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt (trong giai đoạn vận hành và giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường): Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động gần nhà văn phòng mỏ. Khi bồn chứa nhà vệ sinh di động đầy, chủ dự án sẽ hợp đồng đơn vị có chức năng đến hút và vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Trong giai đoạn vận hành: Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác sẽ theo rãnh thu gom nước mưa (*kích thước $R \times C = 0,5 \times 1,0m$*) tự chảy vào 01

hồ lắng (kích thước $D \times R \times C = 38 \times 25 \times 3,2m$) để lắng cặn, sau đó theo mương đất kích thước $(0,5 \times 0,5)m$, dài khoảng 75m thoát ra mương thoát nước hiện hữu phía Đông mỏ. Trước và sau mỗi mùa mưa, chủ dự án sẽ tiến hành nạo vét, khơi thông rãnh thu gom nước mưa và hồ lắng để hạn chế lượng đất trôi theo dòng nước ra nguồn tiếp nhận.

+ Trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường: Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước xung quanh khu vực thi công. Nước mưa chảy tràn sẽ thoát theo địa hình tự nhiên khu vực.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh phương tiện vận chuyển: Được thu gom vào hồ lắng (kích thước $D \times R \times C = 2 \times 1,5 \times 1m$) để lắng cặn trước khi thoát ra môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn vận hành: Phân bố xe vận chuyển ra vào khu vực thi công hợp lý; bố trí người điều tiết giao thông, hướng dẫn phương tiện lưu thông đảm bảo an toàn, tránh ùn tắc; bố trí, tổ chức phương án thi công hợp lý, đảm bảo không làm xung đột các thiết bị, phương tiện trong khu vực khai thác; xe vận chuyển sản phẩm được che phủ bạt kín; thường xuyên tưới nước giảm bụi trên tuyến đường vận chuyển; bố trí điểm vệ sinh xe trước khi ra khỏi khai trường; tuân thủ đúng thời gian khai thác và vận chuyển, không vận chuyển vào giờ cao điểm, giờ nghỉ ngơi của người dân; các xe tham gia vận chuyển đúng tải trọng, đúng lộ trình, tránh rơi vãi và giới hạn tốc độ của xe trong quá trình hoạt động để giảm phát thải bụi vào môi trường.

- Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường: Các phương tiện máy móc thiết bị phục vụ cho công tác cải tạo phục hồi môi trường phải đảm bảo yêu cầu và được kiểm tra bảo dưỡng.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt (trong giai đoạn vận hành và giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường): Thu gom rác vào 02 thùng 240 lít đặt tại văn phòng mỏ và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Chất thải rắn phát quang (trong giai đoạn vận hành): Được thu gom tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đất bóc tầng phủ (trong giai đoạn vận hành): Được lưu chứa tạm thời tại các vị trí bãi chứa tạm thay đổi theo từng năm khai thác trong khu vực mỏ và sử dụng để hoàn thổ, phục hồi môi trường của dự án.

- Chất thải rắn phá dỡ (trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường): Được tận dụng lại và bán phế liệu.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Bố trí 02 thùng 120 lít có nắp đậy tại khu vực văn phòng mở để thu gom, lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành và giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường của dự án, hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện bảo dưỡng thiết bị, máy móc thi công thường xuyên trong suốt thời gian khai thác.

- Phương tiện sử dụng không chở vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết.

- Bố trí thời gian vận chuyển thích hợp, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có tiếng ồn cao.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình khai thác thông qua chương trình giám sát môi trường từ đó đề ra lịch thi công phù hợp.

- Quy chuẩn áp dụng:

- + QCVN 26:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- + QCVN 27:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường: San gạt khu vực khai thác và trồng cây; san gạt các hố lắng nước mưa; mương dẫn nước mưa; tháo dỡ văn phòng mở; tháo dỡ nhà vệ sinh; tháo dỡ trạm cân; gia cố bờ moong; lấp đặt biển báo; đo vẽ địa hình sau khi kết thúc khai thác.

- Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

STT	Tên công trình	Đơn vị	Khối lượng
1	Công tác san gạt đất khu vực khai thác		
-	Công tác xúc, vận chuyển đất từ bãi chứa tạm	m ³	24.440
-	Công tác xúc, vận chuyển đất từ tuyến đường vận chuyển ngoại mỏ	m ³	2.921,28
-	Công tác san gạt đất	m ³	27.361,28
-	Công tác trồng cây xanh khu vực khai thác	m ²	84.000
2	Gia cố bờ moong khai thác	m ²	10.000
3	San gạt rãnh thoát nước	m ³	175
4	San gạt hố lắng nước mưa	m ³	3.000
5	San gạt bề lắng nước rửa xe	m ³	3

STT	Tên công trình	Đơn vị	Khối lượng
6	Lắp đặt biển báo	cái	26
7	Tháo dỡ văn phòng mở, nhà vệ sinh	tấn	00
8	Tháo dỡ điểm rửa xe		
-	Tháo dỡ tấm thép	tấn	1,178
9	Tháo dỡ trạm cân		
-	Tháo dỡ tấm thép	tấn	8,478
-	Tháo dỡ nền đặt bàn cân	m ³	10,8
10	San gạt vị trí lưu chứa tạm	m ³	0
11	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc khai thác	ha	10

- Kế hoạch thực hiện: Trước khi thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật.

- Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

Stt	Công việc	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí cải tạo, phục hồi khu vực khai thác	1.280.702.167
-	<i>Chi phí vận chuyển san gạt khu vực khai thác và đường ngoài mỏ</i>	348.558.749
-	<i>Công tác san gạt đất khu vực khai thác</i>	220.426.041
-	<i>Trồng cây xanh khu vực khai thác</i>	711.717.377
2	Chi phí gia cố bờ moong	9.237.136
3	Tạo rãnh thoát nước mưa	1.408.809
4	San gạt bề lửng nước mưa	24.160.023
5	San gạt hố lửng nước rửa xe	24.181
6	Chi phí lắp đặt biển báo	11.181.474
-	Chi phí cọc bê tông	3.120.000
-	Chi phí biển báo	910.000
-	Chi phí lắp đặt	7.151.474
7	Tháo dỡ văn phòng mở, nhà vệ sinh	0
8	Tháo dỡ điểm rửa xe	1.979.335
9	Tháo dỡ trạm cân	15.301.244
10	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc khai thác	15.668.032
-	Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/1000	9.269.130

Stt	Công việc	Thành tiền (đồng)
-	Đường chuyên cấp 2 (địa hình cấp 3)	6.398.902
11	Chi phí công trình bảo vệ môi trường	102.000.000
I	<i>Chi phí xây dựng cải tạo, phục hồi môi trường (C_{CT})</i>	<i>1.461.662.401</i>
II	<i>Chi phí quản lý ($C_{ql} = 3,453\% \times C_{CT}$)</i>	<i>50.471.203</i>
III	<i>Chi phí dự phòng và trượt giá $G_{dp} = 10\% \times (C_{CT} + C_{ql})$</i>	<i>151.213.360</i>
IV	<i>Thu nhập chịu thuế tính trước $= 6\% \times (C_{CT} + C_{ql})$</i>	<i>90.728.016</i>
V	<i>Thuế VAT 10% $= 10\% \times (I+II+III+IV)$</i>	<i>175.407.498</i>
Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường (I+II+III+IV+V)		1.929.482.478
Làm tròn		1.929.483.000

- Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

+ Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 1.929.483.000 đồng. Trong đó: Số tiền đã ký quỹ: 720.219.365 đồng (Theo Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường số 02/XN-QBVMTR ngày 20/01/2026 của Quỹ Bảo vệ môi trường, Phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi); số tiền ký quỹ còn lại: 1.209.263.635 đồng.

+ Hình thức ký quỹ: Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn từ 01 năm trở lên thì thực hiện ký quỹ nhiều lần. Tuy nhiên, thời gian khai thác ngắn (1,3 năm) nên Công ty có nguyện vọng đóng tiền ký quỹ 01 lần nên số lần ký quỹ của dự án là 01 lần. Mức tiền ký quỹ bằng 100% số tiền được phê duyệt.

+ Số tiền ký quỹ: 1.209.263.635 đồng.

+ Số tiền trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2026.

- Thời điểm ký quỹ và tiếp nhận tiền ký quỹ:

+ Thời điểm ký quỹ: Chủ dự án sẽ thực hiện ký quỹ lần đầu trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt phương án.

+ Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường, Phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi (*Địa chỉ: Số 321 Quang Trung, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi*).

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Tai nạn lao động: Xây dựng nội quy, quy trình an toàn lao động theo đúng tiêu chuẩn quy định của nhà nước; sử dụng công nhân lành nghề, phù hợp đối với từng công việc; trang bị dụng cụ sơ cứu và tổ chức sơ cứu kịp thời khi có sự cố, tai nạn xảy ra.

- Tai nạn giao thông: Chủ dự án quán triệt cho các tài xế vận chuyển vật liệu không chạy quá tốc độ quy định, giảm lượng xe vận chuyển và giảm tốc độ khi đi qua khu dân cư; xe vận chuyển che phủ bạt, không chở quá tải trọng quy định.

- Sự cố sụt lún, sạt lở đất: Hoạt động khai thác phải tuân thủ theo đúng thiết kế khai thác được phê duyệt; khai thác lộ thiên theo từng lớp bằng, áp dụng hình thức khai thác cuốn chiếu, khai thác đến đâu thì san gạt đến đó; không khai thác vào những ngày mưa; khống chế trữ lượng và độ sâu khai thác theo đúng như hồ sơ khai thác được phê duyệt (cos kết thúc thấp nhất +8,0 m). Sau khi kết thúc khai thác, Chủ dự án sẽ tiến hành gia cố bờ moong xung quanh khu vực khai thác trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Sự cố cháy nổ: Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, trang bị đầy đủ các loại phương tiện phòng cháy chữa cháy và thường xuyên kiểm tra.

4.4.3. Các công trình, biện pháp khác

- Giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái và cảnh quan khu vực dự án: Thực hiện khai thác trong phạm vi mỏ, không khai thác ngoài khu mỏ được giao, hạn chế ảnh hưởng đến tài nguyên sinh học; khai thác đến đâu tiến hành phát quang và cải tạo, phục hồi môi trường đến đó; chủ dự án đào rãnh thu gom và thoát nước mưa, khơi thông dòng chảy, tránh ứ đọng nước mưa ngay sau cơn mưa; dọn dẹp mặt bằng khu bảo dưỡng không để rơi vãi chất thải nguy hại làm cuốn trôi xuống thủy vực; lưu chứa, quản lý chất thải đúng quy định; sau khi kết thúc khai thác tiến hành cải tạo, trồng cây phục hồi môi trường.

- Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội: Ưu tiên sử dụng lao động địa phương; bố trí hợp lý các tuyến đường vận chuyển; duy tu, bảo dưỡng kịp thời các tuyến đường vận chuyển khi xảy ra hư hỏng do quá trình vận chuyển.

- Giảm thiểu tác động qua lại với các công trình lân cận: Yêu cầu các lái xe linh động trong việc điều khiển, chủ động nhường đường khi mật độ giao thông trên tuyến đường vận chuyển cao, không phóng nhanh, vượt ẩu, hạn chế các rủi ro xảy ra; khai thác đúng thiết kế, đúng kỹ thuật; lắp đặt các biển báo và các nội quy đối với các xe tham gia hoạt động khai thác và vận chuyển đất.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

TT	Môi trường giám sát	Vị trí	Thông số/tần suất giám sát
1	Giám sát sạt lở	Quan sát sạt lở khu vực mỏ đất	Giám sát thường xuyên (hàng ngày)
2	Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại	Khu vực tập kết chất thải rắn, chất thải nguy hại	06 tháng/lần hoặc giám sát đột xuất khi có sự cố
3	Giám sát quá trình hoàn thổ, phục hồi môi	Mức độ tuân thủ các biện pháp theo dự án về việc san gạt, tháo dỡ các	01 lần/năm hoặc giám sát vào năm kết thúc khai thác (khi thực hiện các biện pháp

TT	Môi trường giám sát	Vị trí	Thông số/tần suất giám sát
	trường	công trình phụ trợ,...	đóng cửa mỏ).

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

6.1. Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

6.2. Chủ dự án chỉ được thực hiện khai thác khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản; đảm bảo an toàn tuyệt đối về môi trường trong quá trình khai thác.

6.3. Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất, chiều sâu và chế độ khai thác được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

6.5. Trong quá trình xây dựng, khai thác, phục hồi môi trường phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh; tuân thủ đúng thời gian khai thác và vận chuyển; hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm; các xe tham gia vận chuyển đúng tải trọng, đúng lộ trình quy định và giới hạn tốc độ của xe trong quá trình hoạt động để giảm phát thải bụi vào môi trường; thu gom, xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ các giai đoạn của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

6.6. Thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường của Dự án, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định có liên quan về bảo vệ môi trường.

6.7. Phối hợp chặt chẽ với địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

6.8. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường trong suốt quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật.

6.9. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường; số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6.10. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành; nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

6.11. Sau khi kết thúc khai thác phải tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường như phương án đã được phê duyệt và tiến hành lập hồ sơ đề án đóng cửa mỏ theo quy định.

6.12. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.13. Chủ dự án phải thực hiện nghiêm túc các giải pháp đảm bảo an toàn trước và trong quá trình khai thác, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, Nhân dân nếu để xảy ra tình trạng sạt lở; ô nhiễm môi trường, an toàn giao thông, đường sá hư hỏng, làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và sinh kế của người dân khu vực dự án tại thời điểm đang hoạt động, khai thác. Trường hợp xảy ra sự cố môi trường làm ảnh hưởng đến các công trình và môi trường xung quanh, chủ dự án phải có trách nhiệm xử lý, khắc phục ô nhiễm và sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Nếu xảy ra sự cố liên quan đến sạt lở trong quá trình khai thác, chủ dự án phải dừng khai thác để đảm bảo an toàn cho công trình, đồng thời báo với chính quyền địa phương để kịp thời xử lý, khắc phục hậu quả.

6.14. Trong trường hợp đang khai thác xảy ra hiện tượng sạt, lở đất tại khu vực khai thác, chủ dự án phải tạm dừng việc khai thác, đồng thời báo ngay cho cơ quan có chức năng và chính quyền địa phương để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ sạt lở, phối hợp để khắc phục sự cố và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp không đủ điều kiện để tiếp tục khai thác thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung vào khu vực cấm, tạm thời cấm khai thác đất theo quy định pháp luật về khoáng sản.

6.15. Cam kết đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án theo quy định của pháp luật./.